

Bản án số: 03/2026/HC-ST  
Ngày: 03/02/2026  
V/v khiếu kiện quyết định  
hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tùng  
**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Thủy  
2. Ông Lê Quang Diệu  
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Tấn Tài – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.  
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 137/2024/TLST-HC ngày 07 tháng 6 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:**

1.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); CCCD số 080070005765 cấp ngày 10/5/2021.

1.2. Bà Võ Thị R, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); CCCD số 080166013564 cấp ngày 10/5/2021.

Người đại diện cho ông N, bà R: 1) Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982; địa chỉ: Số G, Đường A, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt. 2) Bà Trần Nguyễn Tố U, sinh năm 1998; địa chỉ: Số E, đường số A, cư xá C, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2024; vắng mặt.

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ; do ông Trần Đăng K – Phó

Chủ tịch, làm đại diện theo giấy ủy quyền số 478/UBND-VP ngày 02/02/2026; có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

3.1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Đã chết.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ (con ông B)

- Ông Phan Thành T; sinh năm 1993; (xin vắng mặt).

- Ông Phan Văn T1, sinh năm 1989; (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

3.2. Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Lô H, đường Đ, Khu công nghiệp T, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Do ông Lê Anh T2, sinh năm 1994; địa chỉ: Lô B; đường số C; khu công nghiệp T; phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, làm đại diện theo văn bản ủy quyền số 3101/GUQ-SACICO 26 ngày 31/01/2026 của người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn Thị H – Phó Tổng giám đốc; có mặt.

3.3. Ông Lương Văn L, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R trình bày như sau:*

Thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh); do vợ chồng ông N, bà R nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Lương Văn L với giá 11 chỉ vàng 24k, có làm giấy tay ngày 12/7/1998; sau đó trực tiếp quản lý sử dụng kê khai đăng ký đến năm 2011 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 921661, số vào sổ CH 00578 ngày 19/4/2011.

Tháng 5 năm 2024, vợ chồng ông N làm thủ tục vay vốn phát hiện thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn B đứng tên. Ông B ký hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Đ.

Vợ chồng ông N, bà R yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 664321 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 17/8/2007 cho ông Phan Văn B đối với thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người bị kiện UBND huyện Đ (cũ) trình bày ý kiến tại văn bản số: 3158/UBND-TCD ngày 26/8/2024 như sau:*

Nguồn gốc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, loại đất lúa,

tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) là của ông Lương Văn L quản lý sử dụng từ năm 1975 đến năm 1997; năm 1998 ông L chuyển nhượng cho vợ chồng ông N bằng giấy tay, vợ chồng ông N trực tiếp sử dụng thửa đất nêu trên.

Ngày 15/02/2001, ông L có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 592554, số vào sổ 01433 cấp ngày 10/5/2002, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Tại thời điểm cấp giấy UBND huyện không xác minh, kiểm tra, đo đạc thực tế, ký xác nhận ranh giới với người sử dụng đất liền kề. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông L là không đúng đối tượng quản lý sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy (do năm 1998 ông L chuyển nhượng cho ông N, bà R) ông N, bà R đang trực tiếp quản lý sử dụng.

Năm 2011, ông Nguyễn Văn N đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tại ấp A, xã B, huyện Đ; được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 921661, số vào sổ CH 00578 cấp ngày 19/4/2011.

Ngày 23/7/2007, ông Lương Văn L ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phan Văn B thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tại ấp A, xã B, huyện Đ được UBND xã B chứng chứng thực; ông B được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 664321, số vào sổ H 00797, cấp ngày 17/8/2007.

Ngày 16/10/2007, ông Phan Văn B ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Đ do ông Nguyễn Như Ý làm đại diện, diện tích 10.741 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, với giá 150.374.000 đồng được UBND xã B chứng thực.

Quan điểm của UBND huyện Đ đề nghị Tòa án xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 664321, số vào sổ H 00797, do UBND huyện Đ cấp ngày 17/8/2007 cho ông Phan Văn B đối với diện tích 10.741 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Lý do: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Lương Văn L là không đúng đối tượng quản lý sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Người đại diện cho Công ty cổ phần Đ ( Công ty Đ) trình bày: ngày 16/10/2007, Công ty Đ có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phan Văn B diện tích 10.741 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, với giá 150.374.000 đồng, được UBND xã B chứng thực. Nguồn gốc đất của ông L, ông B nhận chuyển nhượng là ngay

tình. Công ty Đ không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phan Văn B. Yêu xem xét yêu cầu độc lập của Công ty Đ.

- Ông Phan Văn T1, ông Phan Thành T trình bày ngày 02/8/2024 và 10/9/2024. Trước đây ông B có nhận chuyển nhượng đất nhưng không biết thửa nào, hiện nay ông B đã chuyển nhượng Công ty Đ.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/8/2025, ông Lương Văn L trình bày: nguồn gốc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) do ông nhận chuyển nhượng và quản lý sử dụng từ năm 1975 đến năm 1998 chuyển nhượng cho vợ chồng ông N bằng giấy tay, vợ chồng ông N trực tiếp sử dụng thửa đất nêu trên. Ngoài ra, không có chuyển nhượng cho ai.

Tại phiên toà người đại diện cho người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện cho người bị kiện giữ nguyên văn bản số: 3158/UBND-TCD ngày 26/8/2024 của UBND huyện Đ (cũ).

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về trình tự thủ tục: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

+ Về nội dung: tại Văn bản số 3158/UBND-TCD ngày 26/8/2024, UBND huyện Đ xác định: thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, có nguồn gốc của ông Lương Văn L quản lý trực tiếp sử dụng đến cuối năm 1997; năm 1998, ông L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị R (bằng giấy tay). Từ năm 1998 đến nay ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị R trực tiếp sử dụng thửa đất nêu trên (phù hợp với kết quả ghi nhận tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Mảnh trích đo). Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Lép UBND huyện không có xác minh, kiểm tra, đo đạc thực tế, ký xác nhận ranh giới với người sử dụng đất liền kề, UBND xã B đề nghị cấp GCNQSDĐ căn cứ vào bản đồ số hóa không ảnh. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu cho ông Lương Văn L là không đúng đối tượng quản lý sử dụng tại thời điểm cấp giấy (do năm 1998, ông L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị R “bằng giấy tay”) và ông N và bà R đang trực tiếp quản lý, sử dụng. UBND huyện Đ đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số AK 664321 do UBND huyện Đ cấp ngày 17/8/2007 cho ông Phan Văn B. Do đó, ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp đối với thửa 571 cho ông Phan Văn B là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Công ty Đ yêu cầu Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập buộc

UBND huyện Đ, UBND xã B, ông Lương Văn L, ông Phan Văn B liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 4.000.000.000 đồng. Ngày 03/12/2025, Tòa án ra Công văn số 58/CV-HC trả lời đơn yêu cầu của Công ty Đ; không đồng ý Công ty tiến hành khiếu nại. Ngày 13/01/2026, Tòa án ra Quyết định số 01/2026/QĐ-GQKN, nội dung không chấp nhận khiếu nại của Công ty, giữ nguyên Công văn trả lại đơn khởi kiện số 58/CV-HC ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ xác định đã nhận được quyết định giải quyết khiếu nại trên vào ngày 26/01/2026; đến thời điểm hiện tại Công ty chưa thực hiện khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại trên lên Tòa án cấp trên. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ không yêu cầu tạm dừng phiên tòa để thực hiện thủ tục khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại.

Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: đề nghị Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R đối với yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AK 664321, do UBND huyện Đ, tỉnh Long An đã cấp ngày 17/8/2007 đối với thửa 571 cho ông Phan Văn B. Chủ tịch UBND xã Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về đối tượng khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã cấp cho ông Phan Văn B; đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Tòa án thụ lý giải quyết là đúng đối tượng và thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: tháng 5 năm 2024, vợ chồng ông N làm thủ tục vay vốn phát hiện UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Văn B đối với diện tích 10.741 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 21/5/2024 Ông N, bà R nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về tư cách tố tụng: Ông N, bà R khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An; nên xác định ông N, bà R là người khởi kiện; Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã Đ) là người bị kiện; những người còn lại là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Việc công khai chứng cứ, đối thoại: Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại theo quy định tại các Điều 135, Điều 138 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông L, ông T, ông T1 xin vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, tiến hành xét xử vắng

mặt là có căn cứ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông N, bà R:

[6.1] Các bên đương sự thừa nhận thừa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.741 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) có nguồn gốc là của ông Lương Văn L khai phá từ năm 1975 quản lý sử dụng. Ngày 12/7/1998, ông L chuyển nhượng cho vợ chồng ông N, bà R phần đất nêu trên với giá 11 chỉ vàng 24k, có làm giấy tay; vợ chồng ông N trực tiếp quản lý sử dụng cho đến nay.

[6.2] Sau khi chuyển nhượng và giao đất cho vợ chồng ông N quản lý sử dụng. Đến ngày 15/02/2001, ông L kê khai đăng ký phần đất nêu trên và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/2002. Sau khi được cấp giấy ông L không làm thủ tục chuyển quyền cho vợ chồng ông N. Ngày 23/7/2007, ông L ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phan Văn B; ông B được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 17/8/2007. Ngày 16/10/2007, ông B ký hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Đ cho đến nay chưa sang tên. Ngày 12/12/2021 ông B chết.

[6.3] Vợ chồng ông N quản lý sử dụng đất đến năm 2011 kê khai đăng ký được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 19/4/2011. Kết quả thẩm định tại chỗ đất vợ chồng ông N đang quản lý sử dụng.

[6.4] Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích 10.741 m<sup>2</sup> ông L chuyển nhượng và giao đất cho vợ chồng ông N quản lý, sử dụng ổn định, công khai liên tục từ năm 1998 cho đến nay, không ai tranh chấp. Đến năm 2011, UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông N là đúng với quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003.

[6.5] Ông L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông N sử dụng từ năm 1998. Tuy nhiên, ông L lại tiếp tục đăng ký phần đất nêu trên được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 10/5/2002. UBND huyện Đ (cũ) cũng xác nhận khi cấp giấy GCNQSDĐ cho ông L không có xác minh, kiểm tra, đo đạc thực tế, ký xác nhận ranh giới với người sử dụng đất liền kề; việc cấp GCNQSDĐ lần đầu cho ông L là không đúng đối tượng quản lý sử dụng tại thời điểm cấp giấy. Sau khi được cấp giấy ông L không làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông N lại ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phan Văn B; ông B ký hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Đ1 cho đến nay chưa sang tên. Trong khi đất vợ chồng ông N quản lý sử dụng là trái pháp luật.

[6.6] UBND huyện Đ (cũ) có văn bản đề nghị Tòa án xử hủy GCNQSDĐ số AK 664321, số vào sổ H 00797, do UBND huyện Đ cấp ngày 17/8/2007 cho ông Phan Văn B đối với diện tích 10.741 m<sup>2</sup>, loại đất lúa, thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, tại ấp A, xã B, huyện Đ, với lý do: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

lần đầu cho ông L là không đúng đối tượng tại thời điểm cấp giấy là có căn cứ, nên chấp nhận.

[6.7] Vợ chồng ông N khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ (cũ) cấp cho ông Phan Văn B là có căn cứ, nên chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí Hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông N. Chủ tịch UBND xã Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng: tại phiên tòa người đại diện cho người khởi kiện tự nguyện chịu 28.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 3, 30, 32; khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 1 Điều 193; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính 2015; Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 664321 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (cũ) cấp ngày 17/8/2007 cho ông Phan Văn B đối với thửa đất số 571, tờ bản đồ số 12, diện tích 10.471 m<sup>2</sup>, tại ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

3. Về chi phí thẩm định: ghi nhận ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R tự nguyện chịu 28.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp xong).

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị R không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả cho bà Võ Thị R, ông Nguyễn Văn N mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0000286 và 0000287 ngày 04/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4.2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hành chính sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Đức Huệ;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Tùng**